

ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021

Phiếu 1/HC-TB

Mã số thuế:

1 6 0 0 3 7 1 6 5 7

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH NĂM 2020

(Áp dụng cho các đơn vị hành chính)

- Căn cứ QĐ số 1096/QĐ-BNV ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ v/v tổ chức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021;
- Căn cứ QĐ số 88/QĐ-BNV ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê;
- Các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

A1. THÔNG TIN ĐỊNH DANH

A1.1 Tên đơn vị: UBND xã Mỹ Khánh

A1.2 Địa chỉ của đơn vị:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh An Giang

8 9

Huyện/ Quận (Thị xã/TP thuộc tỉnh): Thành phố Long Xuyên

8 8 3

Xã/ Phường/Thị trấn: Xã Mỹ Khánh

3 0 3 1 0

Thôn, ấp (số nhà, đường phố): Tổ 09, ấp Bình Hòa 2,

A1.3 Số điện thoại: 02963727034

A1.4 Email: mykhanh@angiang.gov.vn

A1.5 Thông tin về người đứng đầu đơn vị

Họ và tên: NGUYỄN VĂN MÁNH

Giới tính: 1 Nữ 2 Nam

Năm sinh 1 9 6 5

Dân tộc (Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là "Nước ngoài"): Kinh

0 1

Quốc tịch (Nếu có hai quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất): Việt Nam

V N

Trình độ chuyên môn (Theo bằng/ giấy chứng nhận trình độ cao nhất hiện có)

- 1 Chưa đào tạo 4 Trung cấp 7 Thạc sỹ
2 Đào tạo dưới 3 tháng 5 Cao đẳng 8 Tiến sỹ
3 Sơ cấp 6 Đại học 9 Trình độ khác

A1.6 Loại đơn vị quản lý

1. Cấp Trung ương 2. Cấp tỉnh 3. Cấp huyện 4. Cấp xã

A1.7 Loại hình tổ chức của đơn vị

- 1 Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội)
2 Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, HONND, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống này)
3 Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát)
4 Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam
5 Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội

A1.8 Thông tin về cấu trúc đơn vị

Ngoài trụ sở chính, đơn vị có các địa điểm khác trực thuộc không?

1 Có

2 Không

A2. THÔNG TIN VỀ LAO ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

A2.1 Lao động có tại thời điểm 01/01/2020

21

Người

A2.2 Lao động có tại thời điểm 31/12/2020

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Tổng số	Trong đó: Lao động thuộc biên chế hành chính
A	B	1	2
A2.2.1. Tổng số	01	19	19
<i>Trong đó: Nữ</i>	02	8	8
A2.2.2. Phân theo loại lao động			
1. Lao động thuộc biên chế hành chính	03	19	x
<i>Trong đó: Lao động kiêm nhiệm</i>	04	2	x
2. Lao động hợp đồng (theo ND 68/2000/ND- CP)	05	0	x
3. Lao động hợp đồng khác	06	0	x
A2.2.3. Phân theo nhóm tuổi			
1. Từ 16 đến 30 tuổi	07	2	2
2. Từ 31 đến 45 tuổi	08	13	13
3. Từ 46 đến 55 tuổi	09	4	4
4. Từ 56 đến 60 tuổi	10	0	0
5. Trên 60 tuổi	11	0	0
A2.2.4. Phân theo trình độ chuyên môn			
1. Chưa đào tạo	12	0	0
2. Đào tạo dưới 3 tháng	13	0	0
3. Sơ cấp	14	0	0
4. Trung cấp	15	0	0
5. Cao đẳng	16	0	0
6. Đại học	17	19	19
7. Thạc sỹ	18	0	0
8. Tiến sỹ	19	0	0
9. Trình độ khác	20	0	0
A2.2.5. Lao động phân theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp			
1. Chuyên viên cao cấp và tương đương	21	0	0
2. Chuyên viên chính và tương đương	22	0	0
3. Chuyên viên và tương đương	23	19	19

	Mã số	Tổng số	Trong đó: Lao động thuộc biên chế hành chính
4. Cán sự	24	0	0
5. Nhân viên	25	0	0

A2.3 Lao động trả lương các tháng trong năm 2020

Đơn vị tính: Người

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Tổng số lao động	21	21	21	20	20	19	19	19	19	19	19	19
Trong đó: Nữ	9	9	9	9	9	8	8	8	8	8	8	8

A2.4 Tình giảm biên chế

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Giai đoạn 2015 - 2020
1. Số lượng biên chế được giao thời kỳ 2015 - 2020	01	148
2. Số lượng biên chế thực hiện thời kỳ 2015 - 2020	02	104
3. Số lượng biên chế đã tinh giản	03	0
<i>Chia ra:</i>		x
- Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	04	0
- Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác	05	0
- Dôi dư do chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với VTVL hiện đang đảm nhiệm	06	0
- Do đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ	07	0
- Các trường hợp tinh giản khác	08	0

A3. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN CỦA ĐƠN VỊ

A3.1 Tài sản đầu kỳ - cuối kỳ

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 01/01/2020
A	B	1	2
Tổng tài sản	01	32.389	23.203
<i>Trong đó:</i>			
1. Tài sản cố định	02	32.389	23.203
Nguyên giá	03	33.144	23.379
Giá trị hao mòn lũy kế	04	755	176
2. Xây dựng cơ bản dở dang	05	0	0

A3.2 Trong năm 2020, đơn vị có thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ, nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ (bao gồm cả TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình) không?

1 Có 2 Không

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ, nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ trong năm 2020

9.765

Triệu đồng

(bao gồm cả TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình)

Trong đó: Đơn vị có tự thực hiện không? 1 Có 2 Không **A3.3 Diện tích đất**Đơn vị tính: m²

	Mã số	Thời điểm 31/12/2020
Tổng diện tích đất	01	91.823
<i>Trong đó: Diện tích đất đã được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất</i>	02	14.125

A4. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ**A4.1 Doanh thu, chi phí hoạt động của đơn vị năm 2020**

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Giá trị
A	B	1
I. Hoạt động hành chính		
1. Doanh thu (01=02+03+04)	01	9.806
a. Từ NSNN cấp	02	9.806
b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03	0
c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04	0
2. Chi phí (05=07+08+09+10)	05	9.104
<i>Trong đó: Chi từ nguồn ngân sách Nhà nước</i>	06	0
Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	07	389
Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	08	0
Chi phí hao mòn TSCĐ	09	0
Chi phí hoạt động khác	10	8.715
3. Thặng dư/Thâm hụt (11=01-05)	11	702
II. Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
1. Doanh thu	12	0
2. Chi phí (13=14+16)	13	0
2.1. Giá vốn hàng bán	14	0
<i>Trong đó: Giá vốn hàng bán đối với hoạt động thương mại</i>	15	0
2.2. Chi phí quản lý (16=17+18+19+20)	16	0
Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	17	0
Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	18	0
Chi phí khấu hao TSCĐ	19	0
Chi phí hoạt động khác	20	0
3. Thặng dư/ Thâm hụt (21=12-13)	21	0
III. Hoạt động tài chính		

	Mã số	Giá trị
A	B	1
1. Doanh thu	22	0
2. Chi phí	23	0
3. Thặng dư/Thâm hụt (24=22-23)	24	0
IV. Hoạt động khác		
1. Doanh thu	25	0
2. Chi phí	26	0
3. Thặng dư/Thâm hụt (27=25-26)	27	0

A4.2 Thông tin về sản phẩm (vật chất và dịch vụ) của đơn vị trong năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Mô tả nhóm sản phẩm (vật chất và dịch vụ) của đơn vị sản xuất ra	Mã sản phẩm(VCPA cấp 5)	Chi phí hoạt động/chi phí sản xuất kinh doanh (Triệu đồng)
A	B	1
		Tổng số: 9.104
Dịch vụ quản lý nhà nước nói chung và kinh tế tổng hợp	84112	7.178
Dịch vụ của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội	84111	1.926

A5. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO CỦA ĐƠN VỊ

A5.1 Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của đơn vị

A5.1.1 Số lượng thủ tục hành chính (dịch vụ hành chính công) do đơn vị thực hiện, cung cấp:

37

A5.1.2 Số lượng dịch vụ hành chính công đơn vị đang cung cấp trực tuyến:

13

Trong đó:

Số lượng dịch vụ hành chính công đang cung cấp trực tuyến mức độ 4:

1

Số lượng dịch vụ hành chính công đang cung cấp trực tuyến mức độ 3:

12

Số lượng dịch vụ hành chính công đang cung cấp trực tuyến mức độ 1 và 2:

0

A5.1.3 Tổng số hồ sơ hành chính (hồ sơ thực hiện TTHC) cơ sở đã xử lý trong năm 2020:

7.142

Trong đó:

Tỷ lệ hồ sơ hành chính được xử lý qua dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4:

55,4 %

A5.1.4 Đơn vị có cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng không?

1 Có 2 Không

Nếu có, ghi địa chỉ truy cập:

A5.1.5 Trong năm 2020, đơn vị có chi cho sử dụng phần mềm không?

1 Có 2 Không

Tổng chi phí cho sử dụng phần mềm

3 Triệu đồng

Trong đó: Chi thuê/mua từ bên ngoài

3 Triệu đồng

A5.1.6 Trong năm 2020, đơn vị sử dụng những phần mềm, dịch vụ internet phục vụ cho hoạt động ?

1. Quản lý nhân sự

2. Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp

Tỷ lệ văn bản trao đổi văn bản điện tử của Đơn vị 50 %

3. Thư điện tử công vụ (E-mail)

4. Học tập, nghiên cứu (trao đổi tài liệu điện tử, e-learning ...)

5. Sử dụng dịch vụ trực tuyến, giao dịch với cơ quan, tổ chức khác (Ngân hàng, Thuế, Hải quan...)

6. Tham gia thương mại điện tử để bán hàng hóa/dịch vụ không?

7. Giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm thị trường

8. Ứng dụng khác (ghi rõ)

A5.2 Trong năm 2020, đơn vị có hoạt động đổi mới sáng tạo nào sau đây?

1. Đơn vị có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) không?

Nếu có:

Đơn vị tự thực hiện

Đơn vị thuê bên ngoài

2. Đổi mới/cải tiến sản phẩm?

3. Đổi mới/cải tiến mô hình tổ chức hoạt động?

4. Đổi mới/cải tiến quy trình sản xuất kinh doanh?

An Giang, Ngày 09 tháng 04 năm 2021

Thông tin người trả lời phiếu

Người cung cấp thông tin

Họ và tên người cung cấp thông tin: UBND XÃ MỸ KHÁNH

Số điện thoại: 02963727034

Email: mykhanh@angiang.gov.vn

Nguyễn Văn Mánh